

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số 25/2018/HN-ST

Ngày 30/11/2018

V/v Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh

Bà Vũ Thị Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tân Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Y Van – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 275/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/9/2018, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Thị B, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố BN 2, phường HC, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Điều C, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố BT, phường HC, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn khi tham gia tố tụng và tại phiên tòa thì: Chị Thị B kết hôn với anh Điều C vào năm 2008. Hôn nhân tự nguyện, kết hôn lần đầu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phú, huyện Bình Long ngày 18/7/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống với nhau được hai năm rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Điều C không lo làm ăn, không cùng với vợ lao động để tạo dựng kinh tế cho gia đình mà thường xuyên ăn nhậu bê tha nên vợ chồng thường cãi vã, không có hạnh phúc và anh Điều C bỏ về nhà cha mẹ anh C ở nên vợ chồng sống ly thân với nhau tới nay đã được 6 năm, từ khi ly thân, hai bên không còn mối quan hệ nào về kinh tế và tình cảm vợ chồng. Chị Thị B yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Giữa chị Thị B và anh Điều C có một con chung là cháu Điều H, sinh ngày 12/10/2009, hiện nay cháu H đang sinh sống cùng chị Thị B. Sau khi ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh Điều C đều vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Thị B và anh Điều C là đúng thẩm quyền. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Thư ký tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và thành phần tham gia tố tụng. Các đương sự tham gia tố tụng cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Anh Điều C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ hai lần nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C là phù hợp.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp, tài liệu, chứng cứ do tòa án thu thập cùng với lời trình bày của đương sự tại tòa án thì yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thị B được ly hôn với anh Điều C và giao con chung là cháu Điều H cho chị B nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về áp dụng luật tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp về ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Điều C vắng mặt nhưng anh C đã được triệu tập hợp lệ hai lần nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Chị Thị B yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với anh Điều C, yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Tòa án áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị B và anh Điều C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của họ là hợp pháp. Quá trình chung sống chị B và anh C không có hạnh phúc mà thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Cũng do mâu thuẫn nên hai bên không thể chung sống cùng nhau và đã sống ly thân được 6 năm, hiện tại giữa chị B và anh C không còn bất cứ quan hệ nào về tình cảm và kinh tế nên quan hệ hôn nhân trên thực tế là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị B được ly hôn với anh C là phù hợp.

[4] Về con chung và tài sản chung: Giữa chị B và anh C có một con chung là cháu Điều H, từ khi chị B và anh C sống ly thân tới nay cháu H vẫn do chị B nuôi dưỡng, anh C không quan tâm, chăm sóc cũng không hỗ trợ về kinh tế để nuôi con chung. Vì vậy khi ly hôn tòa án chấp nhận yêu cầu của chị B về việc nuôi con chung là phù hợp. Chị B không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên tòa không xét. Chị B cũng không yêu cầu tòa án giải quyết việc chia tài sản chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long phát biểu tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị B. Chị Thị B được ly hôn với anh Điều C.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu Điều H, sinh ngày 12/10/2009 cho chị Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H trưởng thành, anh Điều C không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0004270, quyển số 000086 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhậ được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND T Bình Phước;
- VKSND TX Bình Long;
- THA DS TX Bình Long;
- UBND xã An Phú;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

Phạm Bình